TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Quyết định giám đốc thẩm
Số: 53 /2023/DS-GĐT
Ngày 27 tháng 8 năm 2023
V/v "Tranh chấp quyền sử dụng đất"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ỦY BAN THẨM PHÁN
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Xuân - Thẩm phán cao cấp;

Các thành viên: Ông Chu Thành Quang - Thẩm phán cao cấp;

Ông Nguyễn Hải Thanh - Thẩm phán cao cấp.

Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thảo Phương - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thủy - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa giám đốc thẩm xét xử vụ án dân sự "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 8 ngách 83, ngõ 76 đường Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Vũ Văn V, sinh năm 1939; Người đại diện theo ủy quyền của ông V là bà Vũ Thị Mai C (Văn bản ủy quyền số 1472/2017 ngày 12/12/2017);

2.2. Bà Vũ Thị Mai C, sinh năm 1952;

Cùng địa chỉ: Số nhà 38, ngách 83/76, đường Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội.

2.3. Bà Lê Thu H, sinh năm 1948;

2.4. Anh Vũ Lê P, sinh năm 1978;

2.5. Anh Vũ Hoàng N, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Số nhà 38B, ngách 83/76, đường Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H, anh N là anh Vũ Lê P (Văn bản ủy quyền số 1472/2017 ngày 12/12/2017);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Phan Thị Thanh V, sinh năm 1970;

3.2. Anh Nguyễn Bá Hoàng L, sinh năm 1997;

3.3. Anh Nguyễn Bá Khánh C, sinh năm 2001;

3.4. Bà Nguyễn Hoài C, sinh năm 1962;

3.5. Ông Đoàn Văn Th, sinh năm 1956;

3.6. Chị Đoàn Khuê Anh Tr, sinh năm 1997;

3.7. Anh Đoàn Quang D, sinh năm 1992;

3.8. Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1958;

3.9. Bà Vũ Thị B, sinh năm 1966;

3.10. Anh Nguyễn Vũ Minh Kh, sinh năm 1991;

3.11. Anh Nguyễn Vũ Khuê L, sinh năm 1997;

Cùng đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 32 Làng Y cũ, đường Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội.

3.12. Bà Nguyễn Hoài S, sinh năm 1960; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 2, khu 4B, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà V, bà Ch, ông Th, ông N, bà B, bà S là ông Nguyễn Hồng Q (Văn bản ủy quyền số 0915/2017 ngày 29/5/2017).

3.13. Chị Vũ Thị Bích N, sinh năm 1972;

3.14. Cháu Cao Thị Ngọc Phương, sinh năm 2000;

Cùng địa chỉ: Số nhà 38B, ngách 83/76 đường Y, quận T, thành phố Hà Nội.

3.15. Anh Vũ Minh Đ, sinh năm 1974;

3.16. Chị Chử Thị Thu H, sinh năm 1976;

3.17. Cháu Vũ Minh Q, sinh năm 2003;

3.18. Cháu Vũ Nhật H, sinh năm 2006;

Người đại diện hợp pháp của cháu Q, cháu H là anh Đ, chị H.

Cùng địa chỉ: Số nhà 38, ngách 83/76 đường Y, quận T, thành phố Hà Nội.

3.19. Anh Vũ Duy T, sinh năm 1985;

3.20. Chị Nguyễn Thu H, sinh năm 1989;

Người đại diện theo ủy quyền của anh T, chị H, chị H là chị Vũ Thị Bích N (Văn bản ủy quyền số 2714.2018 ngày 09/6/2018).

3.21. Chị Đặng Bích N, sinh năm 1977;

3.22. Cháu Vũ Thị Hạnh Ng, sinh năm 2004;

3.23. Cháu Vũ Đăng Tr, sinh năm 2009;

Người đại diện hợp pháp của cháu Ng, cháu Tr là anh P, chị N.

3.24. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1983;

3.25. Cháu Vũ Lương B, sinh năm 2010;

Người đại diện theo ủy quyền của anh N, chị H, chị N là anh Vũ Lê P (Văn bản ủy quyền số 2749.2018 ngày 12/8/2018);

Cùng địa chỉ: Số nhà 38B, ngách 83/76 đường Y, quận T, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguY đơn là ông Nguyễn Hồng Q trình bày:

Thửa đất số 43, tờ bản đồ số 4 (cũ) địa chỉ nhà số 32 làng Y (nay là thửa 84, tờ bản đồ 8H-I-31 năm 1994 địa chỉ số 8 ngách 83, ngõ 76 đường Y, phường Y), quận T, thành phố Hà Nội có nguồn gốc là đất hương hỏa từ đời cụ Nguyễn Bá H và cụ Nguyễn Thị B để lại cho con là cụ Nguyễn Bá Kh, cụ Trần Thị L (đều đã mất).

Cụ Kh, cụ L có 04 người con gồm ông Nguyễn Hồng N, bà Nguyễn Hoài S, ông Nguyễn Hồng Q, bà Nguyễn Hoài Ch. Cuối thập niên năm mươi thế kỷ 20, cụ Kh đi hoạt động cách mạng tại khu mỏ Hồng Quảng, nhà đất tại số 32 làng Y không có ai quản lý nên Nhà nước đứng ra quản lý nhà đất. Nhà nước đã giao cho Xí nghiệp nuôi cá Hồ Tây (sau này là Công ty nuôi cá Hồ Tây) quản lý. Công ty nuôi cá Hồ Tây đã làm nơi ở tạm của gia đình cán bộ nhân viên. Ngày 12/4/1991, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ra Văn bản số 632/QĐ/NĐ-UB quyết định trả lại nhà số 32 làng Y cho gia đình ông. Khi bàn giao lại nhà đất, Sở nhà đất và Công ty nuôi cá Hồ Tây đã không bàn giao như khi tiếp quản mà bàn giao theo hiện trạng tại thời điểm bàn giao, không có biên bản bàn giao, không xác định mốc giới.

Do sự quản lý lỏng lẻo về mốc giới, khuôn viên nhà số 32 bị thay đổi trong một thời gian dài. Các hộ dân xung quanh lấn chiếm sang phần đất khuôn viên của nhà số 32, năm 1993, gia đình ông V phá bỏ hàng rào duối do gia đình ông trồng trên 50 năm để phân định ranh giới giữa thửa đất số 43 của gia đình ông và thửa số 42 (mang số nhà 58) gia đình các bị đơn đang quản lý, sử dụng và xây tường. Để tránh việc tranh chấp, cụ L (mẹ ông, đã chết) và ông Vũ Văn Y (đã chết), ông V ký giấy cam kết ngày 09/5/1993, thể hiện bức tường rào phía gia đình ông V xây thời điểm năm 1993 đã xác định rõ ranh giới đất giữa hai nhà, phần tường chưa xây thì chưa xác định được ranh giới (bức tường hiện nay làm ranh giới giữa hai nhà là tường nhà ngang cũ của gia đình ông khi phá dỡ để lại chứ không phải bức tường xây ngăn ranh giới). Phần đất tranh chấp hiện nay phía gia

đình anh em, con cháu ông V đã đổ sân xi măng và sử dụng khoảng 8,5m^2. Nay ông khởi kiện đề nghị gia đình ông V trả lại cho gia đình ông diện tích 8,5m^2 đất.

Các bị đơn thống nhất trình bày:

Cụ Vũ Thị Ngh (chết năm 1977) và cụ Vũ Văn M (chết năm 1944) có 05 người con là ông Vũ Văn T (chết năm 1964 không có vợ con), ông Vũ Văn S (chết năm 1963 không có vợ con), ông Vũ Văn X (chết năm 1955 không có vợ con), ông Vũ Văn V, ông Vũ Văn Y (chết năm 2015 có vợ là Lê Thu H, con là Vũ Lê P, Vũ Hoàng N).

Số nhà 38 (số cũ 58), ngách 83/76 phố Y, quận T, thành phố Hà Nội thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 4, làng Y gia đình các bị đơn đang quản lý có nguồn gốc do tổ tiên để lại cho mẹ ông V, ông Y là cụ Vũ Thị Ngh.

Ngày 28/02/1956, Ủy ban hành chính thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất số 046, địa bạ số 4, diện tích 360 thước vuông cho cụ Ngh. Thửa đất có vị trí: phía Bắc giáp nhà bà T đến nhà ông Ư dài khoảng 32,2m; phía Tây giáp ngõ đi chung dài khoảng 12,93m; phía N giáp từ nhà ông Đ đến nhà bà L (mẹ ông Nguyễn Hồng Q) dài khoảng 30,34m; phía Đông giáp nhà cô L đến nhà cô T dài khoảng 11m. Quá trình sử dụng đất, gia đình bị đơn không lấn chiếm và tranh chấp đất với các hộ gia đình liền kề. Đến thời điểm hiện nay, diện tích đất sử dụng theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất đo đạc các năm 2002, 2009, 2013 chỉ còn 332,9m^2, ít hơn so với diện tích trong giấy chứng nhận quyền sở hữu ruộng đất cụ Ngh được cấp.

Phần đất nguyên đơn khởi kiện có gia đình bà Lê Thị Thu H, anh Vũ Lê P, anh Vũ Hoàng N; gia đình ông Vũ Văn V, bà Vũ Thị Mai C, anh Vũ Minh Đ, anh Vũ Duy T, chị Vũ Thị Bích N đang sinh sống.

Trước khi gia đình bà Trần Thị L (mẹ ông Q) về sinh sống tại số 32 làng Y, để an toàn và phòng chống trộm cắp, gia đình các bị đơn đã thuê ông Quách Văn Nh xây hàng rào tường gạch liền kề với nhà của gia đình ông Q. Tuy nhiên, sau một thời gian ông Q từ Quảng Ninh chuyển về số nhà 32 làng Y sinh sống thì bức tường gia đình các bị đơn xây dựng bị đổ một cách khó hiểu. Sau đó gia đình các bị đơn xây lại tường thì gia đình ông Q ngăn cản và đe dọa, không cho gia đình các bị đơn xây lại bức tường đúng vị trí tường đã đổ. Để đảm bảo an toàn cho các thành viên trong gia đình, gia đình các bị đơn đã xây lại bức tường mới lui về phía đất gia đình ông khoảng 30cm so với vị trí bức tường bị đổ. Cùng thời điểm đó, gia đình ông Q tự lập một Giấy cam kết năm 1993 thể hiện ý kiến riêng của gia đình ông Q về việc xác định mốc giới bằng hàng rào duối, ép buộc ông V, ông Y ký vào giấy cam kết trong khi các thành viên khác trong gia đình là bà C, bà H, anh Đ, anh T, chị N, anh P, anh N không biết. Giấy cam kết lập năm 1993 chỉ có

01 bản do gia đình ông Q cất giữ, nét chữ ở các trang không đồng nhất, nội dung trong giấy cam kết có nhiều điểm mâu thuẫn và không có người làm chứng, trong giấy cam kết cũng chỉ khẳng định *"...số nhà 58 chưa đồng ý đường mốc giới được xác định bằng gốc duối con..."*. Sở dĩ có giấy cam kết này là do bức tường xây trước đó giữa hai gia đình bị đổ, gia đình bị đơn xây dựng lại có xảy ra tranh chấp. Nay ông Q và các anh em trong gia đình ông Q khởi kiện gia đình ông đang lấn chiếm đất của gia đình ông Q khoảng 8,5m^2 đất, gia đình các bị đơn không đồng ý vì gia đình các bị đơn không lấn chiếm đất của gia đình ông Q, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguY đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phan Thị Thanh V, bà Nguyễn Hoài Ch, bà Nguyễn Hoài S, ông Đoàn Văn Th, ông Nguyễn Hồng N, bà Vũ Thị B, anh Nguyễn Bá Hoàng L, anh Nguyễn Bá Khánh C, chị Đoàn Khuê Anh Tr, anh Đoàn Quang D, anh Nguyễn Vũ Minh Kh, anh Nguyễn Vũ Khuê L trình bày: nhất trí với trình bày của ông Q, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Vũ Thị Bích N, cháu Cao Thị Ngọc Ph, anh Vũ Minh Đ, chị Chử Thị Thu H, cháu Vũ Minh Q, cháu Vũ Nhật H, anh Vũ Duy T, chị Nguyễn Thu H, chị Đặng Bích N, cháu Vũ Thị Hạnh Ng, cháu Vũ Đăng Trình, chị Nguyễn Thị H, cháu Vũ Lương B trình bày: thống nhất với trình bày của các bị đơn về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất và khẳng định không lấn chiếm đất của gia đình ông Q, gia đình không ký bất kỳ thỏa thuận hợp pháp nào về việc phân chia ranh giới đất với gia đình ông Q. Đối với giấy cam kết, gia đình bị đơn không ai biết, người bên phía bị đơn ký là do ép buộc. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Những người làm chứng là ông Quách Văn Th, ông Vũ Xuân T, ông Nguyễn Việt T, bà Nguyễn Thị Việt Ng, ông Nguyễn Mạnh D trình bày: Các ông, bà sinh ra và lớn lên tại làng Y, làng Y chỉ có vài chục nhà, đều có vườn tược rộng rãi. Các ông bà hay vào chơi tại nhà 32 làng Y của cụ Kh, cụ L. Nhà 32 có một ngôi nhà ngang 03 gian, lợp ngói, mái đua ra khỏi tường khoảng 30cm, nằm vuông góc với nhà chính. Phía sau ngôi nhà ngang có hàng rào cây duối, khoảng cách giữa bức tường phía sau ngôi nhà ngang với hàng cây duối tương đối rộng, các ông bà có thể đi lại thoải mái.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 02/10/2019, Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng Q về tranh chấp ranh giới và đòi quyền sử dụng đất. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn hiện đang sinh sống tại thửa số 42, tờ số 4 làng Y (nay thuộc thửa số 82, tờ bản đồ 8H-I-31) có địa chỉ là số nhà 58 cũ, ngách 83/76 Làng Y,

quận T, thành phố Hà Nội (số mới: Số 38, ngách 83/76, phố Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội) có trách nhiệm trả lại phần diện tích đất theo hiện trạng nằm trên phần đất thuộc thửa số 42, tờ số 4 làng Y (nay thuộc thửa số 82, tờ bản đồ 8H-I-31) có địa chỉ là số nhà 58 cũ, ngách 83/76 Làng Y, quận T, thành phố Hà Nội (số mới: Số 38, ngách 83/76, phố Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội) kích thước các cạnh là 0,15m x 12,17m x 0,54m x 12,1m (được xác định bởi các điểm 11,11',9'',9,11 theo sơ đồ kèm theo) cho ông Nguyễn Hồng Q và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn.

Ông Nguyễn Hồng Q không phải thanh toán giá trị nguyên vật liệu làm sân bê tông đối với diện tích đất mà các chủ sử dụng thửa số 42, tờ số 4 làng Y (nay thuộc thửa số 82, tờ bản đồ 8H-I-31) có địa chỉ là số nhà 58 cũ, ngách 83/76 Làng Y, quận T, Tp Hà Nội (số mới: Số 38, ngách 83/76, phố Y, phường Y, quận T, Tp Hà Nội) trả lại.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng Q đối với yêu cầu bị đơn trả lại toàn bộ diện tích đất đối với phần tranh chấp quyền sử dụng đất theo đơn khởi kiện có diện tích là 8,5m^2 (phần bị bác là 4,4m^2).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định án phí, quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 14/10/2019, ông Vũ Văn V, bà Vũ Thị Mai C, bà Lê Thu H, anh Vũ Lê P, anh Vũ Hoàng N có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Ngày 17/10/2019, ông Nguyễn Hồng Q kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm công nhận bức tường đã được hai bên thống nhất xây dựng năm 1993 là ranh giới chính thức, ranh giới còn lại kéo dài từ bức tường trên về bức tường nhà ngang).

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 254/2020/DS-PT ngày 08/7/2020, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định: Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hồng Q, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Vũ Văn V, bà Vũ Thị Mai C, bà Lê Thu H, anh Vũ Lê P, anh Vũ Hoàng N; sửa Bản án sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng Q về tranh chấp ranh giới và đòi quyền sử dụng đất. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phía bị đơn hiện đang sinh sống tại thửa số 42, tờ số 4 làng Y (nay thuộc thửa số 82, tờ bản đồ 8H-I-31) có địa chỉ là số nhà 58 cũ, ngách 83/76 Làng Y, quận T, thành phố Hà Nội (số mới: Số 38, ngách 83/76, phố Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội) có trách nhiệm trả lại phần diện tích đất theo hiện trạng nằm trên phần đất thuộc thửa số 42, tờ số 4 làng Y (nay thuộc thửa số 82, tờ bản đồ

8H-I-31) có địa chỉ là số nhà 58 cũ, ngách 83/76 Làng Y, quận T, thành phố Hà Nội (số mới: Số 38, ngách 83/76, phố Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội) có diện tích tranh chấp là 8,4m^2; có các kích thước, được giới hạn bởi các điểm 9,10,11,12,9',9 (có sơ đồ kèm theo) cho ông Nguyễn Hồng Q và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan phía nguyên đơn.

Ông Nguyễn Hồng Q không phải thanh toán giá trị nguyên vật liệu làm sân bê tông đối với diện tích đất mà các chủ sử dụng thửa số 42, tờ số 4 làng Y (nay thuộc thửa số 82, tờ bản đồ 8H-I-31) có địa chỉ là số nhà 58 cũ, ngách 83/76 Làng Y, quận T, thành phố Hà Nội (số mới: Số 38, ngách 83/76, phố Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội) trả lại.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định án phí và nghĩa vụ thi hành án.

Sau khi xét xử phúc thẩm, bà Vũ Thị Mai C có đơn đề nghị xem xét theo thủ tục giám đốc thẩm đối với bản án dân sự phúc thẩm nêu trên.

Tại Quyết định số 08/QĐKNGĐT-VC1-DS ngày 13/02/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội kháng nghị Bản án dân sự phúc thẩm số 254/2020/DS-PT ngày 08/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội; đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử giám đốc thẩm theo hướng hủy Bản án dân sự phúc thẩm nêu trên và Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2019/DS-ST ngày 02/10/2019 của Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội để giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa giám đốc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội đề nghị Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nhà số 32 Làng Y thuộc thửa đất số 43, tờ bản đồ số 4 (nay là thửa 84, tờ bản đồ 8H-I-31) tại số 8 ngách 83, ngõ 76 đường Y, phường Y, quận T, thành phố Hà Nội gia đình ông Nguyễn Hồng Q đang quản lý, sử dụng liền kề với số nhà 38 (số cũ là 58) thuộc thửa đất số 42, tờ bản đồ số 4 tại ngách 83/76 phố Y, quận T, thành phố Hà Nội gia đình các ông Vũ Văn V, bà Vũ Thị Mai C, bà Lê Thu H, anh Vũ Lê P, anh Vũ Hoàng N (các bị đơn). Nguyên đơn cho rằng phần đất tranh chấp có diện tích 8,4m^2 gia đình bị đơn đã đổ xi măng và đang sử dụng là của nguyên đơn nên khởi kiện đề nghị Tòa án buộc các bị đơn trả lại diện tích 8,4m^2 đất nêu trên.

[2] Tại Giấy cam kết lập ngày 09/5/1993 giữa bà Trần Thị L (chủ hộ số nhà 32- mẹ của nguyên đơn), ông Vũ Văn Y (là chồng của bà Lê Thu H) và ông Vũ V (chủ hộ số nhà 58) thể hiện: hai nhà thỏa thuận việc xác định mốc giới giữa hai nhà căn cứ vào hàng rào duối từ xưa để lại; số nhà 58 thuê thợ đào móng và tìm được 2 gốc duối cổ thụ ở phần tường rào từ nhà vệ sinh đến khu chuồng gà nhà 32, hai nhà thống nhất lấy tim 2 gốc duối cổ thụ làm tim tường, tường do nhà 58

xây; riêng khu sau nhà phụ (gia đình N B đang ở) số nhà 32 thuê thợ đào để tìm gốc duối nhưng không tìm thấy gốc duối cổ thụ mà chỉ tìm được các gốc duối con, do vậy số nhà 58 chưa đồng ý đường mốc giới được xác định bằng các gốc duối con. Giấy cam kết có có chữ ký của bà Lộc, ông Y, ông V; sơ đồ xác định tường ngăn có chiều dài 8m hai bên thống nhất được ranh giới rõ ràng, phần còn lại có chiều dài 11,9m chưa xác định được ranh giới; bản cam kết được hai chủ hộ của hai nhà xem xét, ký xác định và làm cơ sở để giải quyết các tranh chấp sau này.

[3] Tại Trích lục bản đồ năm 1943 do Sở nhà đất Hà Nội cung cấp theo Công văn số 158 ngày 22/9/1994 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình và Trích lục bản đồ do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cung cấp kèm theo Công văn số 1914/STNMT-TTr ngày 26/11/2018 thể hiện ranh giới thửa đất số 42 và thửa đất số 43 tờ bản đồ 4 Làng Y là một đường thẳng.

[4] Như vậy, ranh giới của hai thửa đất số 42 và số 43 đã được hai gia đình xác định tại Giấy cam kết lập ngày 09/5/1993 trên cơ sở mốc giới tồn tại cũ là 02 gốc duối cổ thụ, đã xây tường để xác định trùng khít với Trích lục bản đồ năm 1943 thể hiện ranh giới giữa hai thửa đất là một đường thẳng; phù hợp với lời khai của những người làm chứng là ông Quách Văn Th, ông Vũ Xuân T, ông Nguyễn Việt T, bà Nguyễn Thị Việt Ng, ông Nguyễn Mạnh D (là những người sinh ra và lớn lên tại làng Y) xác định nhà 32 có một ngôi nhà ngang, phía sau ngôi nhà ngang có hàng rào cây duối; phù hợp với Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất do Ủy ban nhân dân phường Y lập ngày 20/6/2009 xác định "không có tranh chấp từ điểm 7 đến điểm 8 dài 2,48m; từ điểm 8 đến điểm 9 dài 9,67m".

[5] Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xác định ranh giới giữa thửa đất số 42 và thửa số 43 là đường thẳng, năm 1993 hai bên đã xác định được một đoạn thẳng trùng khít với trích lục bản đồ và đã xây tường chung phân chia ranh giới, phần tường còn lại phải nối tiếp đường thẳng cho đến thửa đất số 41 và chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc gia đình các bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đang sinh sống tại thửa đất số 42 có trách nhiệm trả lại diện tích 8,4m^2 đất cho nguyên đơn và những người liên quan phía nguyên đơn là có cơ sở.

[6] Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội cho rằng chưa đủ căn cứ xác định gia đình bị đơn lấn chiếm đất của gia đình nguyên đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 337; Điều 342; khoản 1 Điều 343 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

1. Không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự phúc thẩm số 254/2020/DS-PT ngày 08/7/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội về vụ án "Tranh chấp quyền sử dụng đất" giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Hồng Q với bị đơn là ông Vũ Văn V, bà Vũ Thị Mai C, bà Lê Thu H, anh Vũ Lê P, anh Vũ Hoàng N và 25 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày Hội đồng xét xử giám đốc thẩm ra quyết định.

Nơi nhận:
- Chánh án TANDCC tại Hà Nội;
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tp Hà Nội;
- TAND quận Tây Hồ, tp Hà Nội;
- Chi cục THADS quận Tây Hồ, tp Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu P.GĐKT2, P.HCTP-VP, P.VTLT; HSGĐT.

TM. UỶ BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Xuân